TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q

Bản án số: **13**/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 12 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bẩy

2. Ông Nguyễn Văn Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà D Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-DS ngày 18/10/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-DS ngày 04/11/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2022/TB-TA ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng V**.

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L Tòa nhà V, số 72 L, phường B, quận H, thành phố H.

- Đại diện theo pháp luật: ông **Trần Tấn L** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng V: ông **Trần Minh T** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người được ông **Trần Minh T** ủy quyền: bà **Lê Thị M** - Chức vụ: cán bộ tổ xử lý nợ và QLKTTS khu vực Miền Bắc - Ngân hàng V; bà **Lê Thị M** có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1975. Địa chỉ: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn - Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng) có nội dung thể hiện:

Ngày 03/9/2010, Ngân hàng ký Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số: 109/EIN/TTD với bà Nguyễn Thị D theo hình thức miễn đảm bảo tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngày 03/9/2010, căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế trên, Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa Gold, số thẻ VG 749422 cho bà Nguyễn Thị D. Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng: theo thông báo biểu phí phát hành, sử dụng thẻ do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, bà Nguyễn Thị D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 91.189.525 đồng. Sau đó bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà D thanh toán nợ nhưng đến nay bà D vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến hết ngày 11/10/2021, bà Nguyễn Thị D còn nợ Ngân hàng số tiền 158.103.494 đồng (trong đó, nợ gốc là 3.553.487 đồng, lãi và phí phát sinh là 154.550.007 đồng).

Tạm tính đến ngày 16/12/2022 là 464.777.464 đồng (trong đó nợ gốc là 3.553.487 đồng, lãi là 150.476.700 đồng, phí trễ hạn là 263.160.387 đồng, phí vượt hạn mức là 47.586.890 đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với lý do theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn đã tính lãi và phí phát sinh là chưa phù hợp nên tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện là phần yêu cầu bị đơn phải thanh toán về các khoản phí và lãi phạt = 450.933.555 đồng, yêu cầu cụ thể:

Ngân hàng yêu cầu: buộc bà Nguyễn Thị D thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số 109/EIB/TTD ngày 03/9/2010 tạm tính đến ngày 16/12/2022 là 13.843.909 đồng (trong đó, nợ gốc là 3.553.487 đồng, lãi vay thẻ tín dụng là 10.290.422 đồng).

Kể từ ngày ngày 17/12/2022, bà Nguyễn Thị D tiếp tục thanh toán tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng quy định từng thời kỳ.

Như vây, Ngân h rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần các khoản phí và lãi phạt tính đến ngày 16/12/2022, cụ thể là không yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản phí và lãi phạt là 450.933.555 đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D được tống đạt giấy triệu tập và các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa nên không có quan điểm trình bày của bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó bà D chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 - Bộ luật tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế), mục đích của hợp đồng sử dụng thẻ là tiêu dùng cá nhân nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Bị đơn có địa chỉ thường trú tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Triều, tỉnh Q, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị D:

Theo biên bản xác minh ngày 15/8/2022 về nơi cư trú của bà Nguyễn Thị D thể hiện: bà Nguyễn Thị D vẫn cư trú tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt. Tại phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt không có lý do và đến phiên tòa lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

1.3. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa thuộc phạm vi ủy quyền nên được chấp nhận nên cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản phí và lãi phạt là 454.487.042 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số: 109/EIB/TTD ngày 03/9/2010 (kèm theo bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế) được ký kết giữa bà Nguyễn Thị D và Ngân hàng đã thể hiện bị đơn được nguyên đơn cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa Gold, số thẻ VG 749422 là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) với thời hạn sử dụng thẻ là 01 năm (tối đa không quá 03 năm); Mục đích: vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toàn tổng số tiền là 91.189.525 đ (chín mươi mốt triệu một trăm tám mươi chín triệu năm trăm hai mươi năm đồng). Đến ngày 07 tháng 8 năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và vi phạm điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết cụ thể lãi suất được tính như sau:

**** Lãi suất trong hạn:***

- Từ ngày 23/06/2015 đến ngày 28/04/2016, lãi suất 19,20%/năm.
- Từ ngày 29/04/2016 đến ngày 09/7/2018, lãi suất 22,80%/năm.
- Từ ngày 10/7/2018 đến ngày 14/01/2019, lãi suất 24%/năm.
- Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 27/03/2022, lãi suất 28,20%/năm.
- Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 15/12/2022, lãi suất 30,60%/năm.

Tổng cộng lãi trong hạn từ ngày 23/6/2015 đến ngày 15/12/2022 là: 6.889.231 đồng

**** Lãi quá hạn:***

- Từ ngày 07/8/2015 đến ngày 28/04/2016, lãi suất 9,60%/năm.
- Từ ngày 29/04/2016 đến ngày 09/7/2018, lãi suất 11,40%/năm.
- Từ ngày 10/7/2018 đến ngày 14/01/2019, lãi suất 12%/năm.
- Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 27/3/2022, lãi suất 14,10%/năm.
- Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 15/12/2022, lãi suất 15,30%/năm.

Tổng cộng lãi quá hạn từ ngày 07/8/2015 đến ngày 15/12/2022 là 3.401.191 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 16/12/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị D còn nợ nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền là: 13.843.909 đồng (trong đó nợ gốc là 3.553.487 đồng và lãi vay thẻ tín dụng là 10.290.422 đồng).

Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số: 109/EIB/TTD ngày 03/9/2010 (kèm theo bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng

quốc tế) được Ngân hàng và bà Nguyễn Thị D ký kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm ký kết hợp đồng, người đại diện của các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự. Đến nay, chưa có ai cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ký kết hợp đồng giữa các bên là do lừa dối, ép buộc. Do đó, hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự

Do đó số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày 16/12/2022 là 13.843.909 đồng (trong đó nợ gốc là 3.553.487 đồng và lãi vay thẻ tín dụng là 10.290.422 đồng) là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lãi suất phát sinh: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 17/12/2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký kết, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/12/2022 là: 13.843.909đ (mười ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm linh chín đồng) (trong đó nợ gốc là 3.553.487 đồng và lãi vay thẻ tín dụng là 10.290.422 đồng), kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế số: 109/EIB/TTD ngày 03/9/2010 (kèm theo bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng V phát hành).

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải thanh toán các khoản phí và lãi phạt là 450.933.555đ (bốn trăm năm mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp 692.195đ (sáu trăm chín mươi hai nghìn một trăm chín mươi năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng V số tiền 3.953.000đ (*ba triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009461 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q.

4. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn báo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tx Đ;
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh